

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+TD2	7:25	3+17	0+0		3+19	0+0	
2		TD5+P7+JS2	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
3		HSD	14:00	0	0		9	0	STAND BY

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2018	TO: PVD2 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN DINH NHAT	PVD2	05-06	2	17		69	KHOAN	Vietnamese
2	GIANG HONG SON	PVD2	01-02	2	18		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN QUYET QUYNH	PVD2	03-04	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
4	GUSHEYNOV M.A	TD2	24	1	8		80	KHOAN	Russian
5	CHU VAN HUNG	TD2	14	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HAI	TD2	25	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU HONG	TD2					91	KHOAN	Vietnamese
8	VUONG DINH LIEN	TD2	12	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	LE VIET CHIEN	TD2	21	1	6	100	71	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN BAC	TD2	15	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN HUNG	TD2	18	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN HUNG HUNG	TD2	32-33	2	10		95	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VAN LOI	TD2	22	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VAN HOANG	TD2	16	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN DOAI	TD2	20	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VIET TRUNG	TD2	13	1	13		90	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DUC THE	TD2	23	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
18	DAU VAN XUAN	TD2	19	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYEN DUY CANH	TD2	34	1	4		54	GETRACO	Vietnamese
20	DINH ANH DUNG	TD2	17	1	4		75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	6	51	201	0	3		
2	TD2	17	17	92	1.222	100	19		
TOTAL		20	23	143	1.423	100	22		
WEIGHT KG				143	1.423	100			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2018	TO: TD5 - P7 - JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - dũng	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHAERDINOV VITALY	TD5	69	1	7		70	KHOAN	Russian
2	PHẠM VĂN CHÂU	TD5	76	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG QUỐC VIỆT	TD5	74-75	2	8		86	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG LONG	TD5	68	1	10	57	60	DVL	Vietnamese
5	GONCHAROV SERGEY	P7	53	1	10		85	KHOAN	Russian
6	QUACH VĂN TÔI	P7	41	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VĂN THANH	P7	39	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HÙNG	P7	37	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC THANH	P7	51	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ĐẠT	P7	42	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VINH THUẬT	P7	32	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN QUY	P7	49	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ HỒNG GIANG	P7	50	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN DOANH	P7	45-46	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẠO DANH THANH	P7	43	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUY LINH	P7	40	1	12		92	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HẬU	P7	47	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠU CAO KHANG	P7	36	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HAI LAM	P7	48	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐÔNG HÙNG	P7	38	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN MUỘI	P7	44	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
22	MAI TUÂN KIẾT	P7	52	1	10		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	5	30	284	57	0		
2	P7	18	19	156	1.278	0	21		
3	JS2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	186	1.562	57	22		
WEIGHT KG				186	1.562	57			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/11/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:20
FLIGHT:	TO: HSD	CREW: ĐTuấn - CHIÊN - Vũ	ETA: 16:00

ROUTE: VT - HSD - VT

No.	PAX.NAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - HSD									
1	NIL PAX						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	9	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3+P4	7:25	19+3+0	0+0		18+2+2	0+0	
2		CLO-TD3	9:25	2+20	0		0+22	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2018	TO: TD5 - TD3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	73	1	5	18	79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	81-82	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LAM	TD5	80	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	76	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	74	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	67	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	68	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	66	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	71	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẠO THANH SƠN	TD5	78	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DUY	TD5	77	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD5	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD5	83	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD5	75	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD5	72	1	5		70	DVL	Vietnamese
16	BUI CÔNG MINH	TD5	69-70,90	3	19		66	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU MAI	TD5	88-89	2	17		70	NHATHAU	Vietnamese
18	PHẠM PHU QUỐC	TD5	86-87	2	18		78	NHATHAU	Vietnamese
19	MAI HOANG HA	TD5	84-85	2	18		52	NHATHAU	Vietnamese
20	DANG DINH PHUC	TD3					89	KHOAN	Vietnamese
21	DOAN QUANG BAC	TD3	76	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
22	DAO TIEN THIET	TD3	77	1	3		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	25	155	1.284	18	18		
2	TD3	3	2	10	213	0	2		
3	P4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	27	165	1.497	18	22		
WEIGHT KG				165	1.497	18			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2018	TO: CLO - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỞNG - HIẾU	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN QUANG	CLO	01	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THE DUNG	CLO	02	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
3	TRANG NGOC HUNG	TD3	94	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VIET DUNG	TD3	91	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
5	LAI THE DAT	TD3	98	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	81-82	2	12		77	KHI	Vietnamese
7	NGO VAN CHUNG	TD3	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN PHI HUNG	TD3	92-93	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANH NAM	TD3	78-79	2	8		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN SON HAI	TD3	97	1	9		84	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH NAM	TD3	96	1	14		75	NHATHAU	Vietnamese
12	VO HUU TAN	TD3	95	1	5		75	DVL	Vietnamese
13	HOANG GIANG LAM	TD3					80	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DINH MUOI	TD3	84	1	10		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEN	TD3	80	1	5		83	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANG	TD3	87	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	HO SY THANH	TD3	88	1	4		57	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN	TD3	83	1	3		68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LAP	TD3	85	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN HAI	TD3	86	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	PHAN CHINH QUY	TD3	90	1	7		82	PSV	Vietnamese
22	LUU HOANG	TD3	100	1	8		60	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	2	17	137	0	0		
2	TD3	20	22	123	1.450	0	22		
TOTAL		22	24	140	1.587	0	22		
WEIGHT KG				140	1.587	0			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+CLO	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
2		TD1+GTCL+RP2	7:25	20+1+0	0+0+0		13+4+4	0+0+0	
3		PPD+P5	7:25	19+3	0+0		15+5	0+0	
4		PVD2	7:25	22	0		22	0	
5		RP3	9:25	22	0		22	0	
6		P4+P11+JS2	9:25	22+0+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
7		CNV+P7+P4	9:25	2+14+6	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
8		PVD6	9:25	22	0		22	0	
9		RCDM+CLO+PPD	11:25	8+4+10	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
10		BK5+CTK3+PVD2	11:25	11+0+11	0+0+0		0+9+12	0+0+0	CHECK IN 10.00
11		PVD6	13:25	22	0		22	0	CHECK IN 12.00
12		RP3+BK14	13:25	16+5	0+0		2+20	0+0	CHECK IN 12.00

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/GIÀN P2 VÀ TD3 VỀ QUA PPD;

2/TD5 ĐI VÀ VỀ QUA BK14

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2018	TO: VSP02 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN HUNG	VSP02	05-06	2	18		63	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HAI	VSP02	03	1	5	20	67	NIPI	Vietnamese
3	TRẦN QUANG MINH	VSP02	04	1	5		75	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH KHOAN	VSP02	07-08	2	15		50	NIPI	Vietnamese
5	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	27	1	4		122	KHOAN	Russian
6	TÔ ANH TUÂN	CLO	40	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DUY	CLO	28-29	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TUÂN	CLO	33	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	42	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MINH HIỆP	CLO	39	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÓN	CLO	38	1	5	80	68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	47	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	37	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG DUY LY	CLO	32	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SANG	CLO	36	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HỮU HẬU	CLO	46	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG HẠCH	CLO	43	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	PHAICHIT KOSONKARN	CLO	34-35	2	18		76	NHA THAU	Thailand
19	LÊ VĂN THANH	CLO	30-31	2	15		63	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYỄN DANG HUNG	CLO	44-45	2	15		58	NHA THAU	Vietnamese
21	LÊ QUANG NGHIỆP	CLO	41	1	10		68	NHA THAU	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC CHAU	CLO	48-49	2	15		63	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	4	6	43	255	20	0		
2	CLO	18	23	149	1.277	80	22		
TOTAL		22	29	192	1.532	100	22		
WEIGHT KG				192	1.532	100			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: TD1 - GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Hồi - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUANG LỤC*TT	TD1	39	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
2	HA MINH TUAN	TD1	31	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	32	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUONG TU	TD1	23	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
5	LAI ĐỨC LAM	TD1	30	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC THAI	TD1	35	1	4	40	80	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH HUU NGHIA	TD1	20	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET THANH	TD1	34	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	TD1	36	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN PHI HUNG	TD1	28-29	2	10		88	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TUAN	TD1	33	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VIET	TD1	38	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
13	BUI QUANG TUYNH	TD1	37	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH CHI THAM	TD1	22	1	9		67	NHA THAU	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC HOA	TD1	21	1	4		65	NHA THAU	Vietnamese
16	CU NGOC HONG	TD1	24-25	2	13		80	DVL	Vietnamese
17	NHÂM ĐỨC TUAN	TD1	40-41	2	9		73	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIET	TD1	42	1	15		77	DVL	Vietnamese
19	TRAN ANH VINH	TD1	26	1	7		61	DVL	Vietnamese
20	ĐO THANH HAI	TD1	27	1	6		66	DVL	Vietnamese
21	HOANG VAN THANG	GTC1	63-64	2	17	30	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	23	144	1.405	40	13		
2	GTC1	1	2	17	65	30	4		
3	RP2	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		21	25	161	1.470	110	21		
WEIGHT KG				161	1.470	110			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: PPD - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	66	1	8		78	KHI	Vietnamese
2	BERNHIKOV V.N	PPD	72	1	7		107	KHI	Russian
3	KHARITONOV	PPD	78-79	2	20		74	KHI	Russian
4	NGUYEN MINH VIEN	PPD	76	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	67	1	6		92	KHI	Vietnamese
6	PHAN VAN TUNG	PPD	71	1	8		75	KHI	Vietnamese
7	TRAN VAN DUNG	PPD	68-69	2	5		67	KHI	Vietnamese
8	BUI THANH HAI	PPD	65	1	5	35	65	KHI	Vietnamese
9	DOAN VIET DIEP	PPD	81	1	5	90	68	KHI	Vietnamese
10	VO TA QUANG	PPD	74	1	6		50	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HA NIN	PPD	77	1	11		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN DUC NGOC	PPD	82	1	4		67	KHI	Vietnamese
13	LE MINH PHUNG	PPD	75	1	7		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC ANH	PPD	80	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH SON	PPD	64	1	6		50	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HA	PPD	83	1	3		58	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	84	1	4		50	KHI	Vietnamese
18	TRAN SON HAI	PPD	73	1	3		72	KHI	Vietnamese
19	LE HUY VINH	PPD	70	1	3		63	KHI	Vietnamese
20	TRAN DOAN DOAN	P5	60	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN BA DIEN	P5	62	1	15	40	70	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG VAN NGOC	P5	61	1	16		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	21	121	1.325	125	17		
2	P5	3	3	41	185	55	5		
TOTAL		22	24	162	1.510	180	22		
WEIGHT KG				162	1.510	180			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN VU	PVD2					80	KHOAN	Vietnamese
2	PETER DANE	PVD2	07-08	2	17		90	KHOAN	AUS
3	NGUYEN VAN THUY	PVD2	33	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	RICHARD HUGHES	PVD2	14-15	2	16	17	80	KHOAN	British
5	WAYNE ELSOM	PVD2	10-11	2	17		97	KHOAN	British
6	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	17-18	2	17		88	KHOAN	American
7	HOANG TRONG CHUC	PVD2	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	DJAMIAT	PVD2	12	1	7		78	KHOAN	Indonesian
9	VU THANH PHONG	PVD2	30-31	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN KIEU	PVD2	22	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MANH	PVD2	21	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CHI THANG	PVD2	23	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DUONG	PVD2	28	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	27	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	19	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VAN CAO	PVD2	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	CU THANH NHAN	PVD2	25	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	MAI DONG DUY	PVD2	26	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
19	MAI DUONG TUNG	PVD2	29	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	LE NGOC HA	PVD2	20	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN VAN TUOC	PVD2	32	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN HUNG	PVD2	24	1	8		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	26	169	1.622	17	22		
TOTAL		22	26	169	1.622	17	22		
WEIGHT KG				169	1.622	17			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2018	TO: RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Cương - KHAI - dũng	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG TAM	RP3	18	1	6		72	KHTHAC	Vietnamese
2	DINH HOAI DUC	RP3					68	KHI	Vietnamese
3	TU NGOC HAI	RP3	21-22	2	9		73	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TAN	RP3					65	KHI	Vietnamese
5	LANH TRUNG DONG	RP3	28	1	6		70	KHI	Vietnamese
6	LE DUC VIET	RP3	24	1	3		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN CHINH THI	RP3	31	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					85	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CU	RP3	25	1	10	135	59	KHI	Vietnamese
10	PHAM TRUNG DUNG	RP3	27	1	8		80	KHI	Vietnamese
11	PHAM DUY DUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	26	1	6		63	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN LAP	RP3					60	KHI	Vietnamese
15	HO VAN LUONG	RP3	30	1	3		68	KHI	Vietnamese
16	PHAM HONG LINH	RP3	17	1	4		73	KHI	Vietnamese
17	DOAN VAN TRUC	RP3	15	1	10		66	KHI	Vietnamese
18	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	23	1	8		80	KHI	Vietnamese
19	PHAM HONG THAI	RP3	29	1	6		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	RP3	16	1	10		76	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG NAM	RP3	14	1	8		65	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NAM	RP3	19-20	2	10		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	18	112	1.537	135	22		
	TOTAL	22	18	112	1.537	135	22		
	WEIGHT KG			112	1.537	135			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: P4 - P11 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBình - MMinh - Huy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NGOC TUAN	P4	13	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CAO	P4	04	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
3	HO CHIEN THANG	P4	03	1	7		61	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN HONG DIEP	P4	19	1	9		66	CODIEN	Vietnamese
5	LUU VAN DAN	P4	18	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
6	PHAM XUAN HAI	P4	16-17	2	13		66	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN ĐANG MẠNH	P4	21	1	10		51	CODIEN	Vietnamese
8	MAI DINH KHANG	P4	15	1	7		50	CODIEN	Vietnamese
9	LE TRỌNG TUYẾN	P4	20	1	8		56	CODIEN	Vietnamese
10	HA QUOC VIET	P4	10	1	3		61	KHI	Vietnamese
11	PHAM VAN QUYEN	P4	09	1	7		73	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN BACH DUONG	P4	08	1	4		75	KHI	Vietnamese
13	SUDAKOV A.A	P4	11	1	9		113	KHI	Russian
14	BUI HUU LAN	P4	12	1	4		74	KHI	Vietnamese
15	LE VAN HUONG	P4	01	1	4		73	KHI	Vietnamese
16	TẠ VĂN QUYNH	P4					77	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CU	P4	06	1	5	140	75	KHI	Vietnamese
18	LE NGOC KY	P4	05	1	3		73	KHI	Vietnamese
19	HOANG HUY TIEN	P4	02	1	4		55	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN CHIEN CONG	P4	07	1	3		65	KHI	Vietnamese
21	LE TRUNG LAM	P4	14	1	6		70	KHI	Vietnamese
22	HOANG THAI DUONG	P4					75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	21	133	1.497	140	7		
2	P11	0	0	0	0	6	9		
3	JS2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	21	133	1.497	146	22		
WEIGHT KG				133	1.497	146			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: CNV - P7 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HƯNG - Hồi - Năm	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC HANH	CNV	14	1	7	28	79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	13	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI PHƯƠNG	P7	58	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
4	BIỆN XUÂN THẮNG	P7	54-55	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO VAN TUAN	P7	59-60	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THOA	P7	56	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYÊN	P7	72	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P7	61	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ XUÂN LẬP	P7	57	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P7	74	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO DANH NGỌC	P7	66-67	2	10	6	68	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM BA HOÀNG	P7	68-69	2	16	14	66	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO VĂN TUYẾN	P7	63-64	2	14	50	68	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO QUỐC OAI	P7	62	1	11		79	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ NGUYỄN HẬU	P7	70-71	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TỰ	P7	78	1	6		55	PVC-PT	Vietnamese
17	PHẠM MỘNG THÀNH	P4	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	LƯU VĂN KHƯƠNG	P4	02	1	4		77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG SƠN	P4	07-08	2	13		82	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI HOANG HAI	P4	05-06	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HOÀNG VIỆT	P4	03	1	3		70	NIPI	Vietnamese
22	PHẠM HOÀNG QUANG	P4	04	1	5		58	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	2	14	159	28	0		
2	P7	14	20	165	944	70	14		
3	P4	6	8	40	439	0	8		
TOTAL		22	30	219	1.542	98	22		
WEIGHT KG				219	1.542	98			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: PVD6	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TRI	PVD6	64	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
2	DO VAN CONG	PVD6	73	1	5		78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN HUY	PVD6	74	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN ANH TUAN	PVD6	66	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	PVD6	92	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH XUAN TINH	PVD6	69-70	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN XUAN THAO	PVD6	71-72	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	VU TU HUE	PVD6	88-89	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG THANH BINH	PVD6	90-91	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO MINH HAI	PVD6	59	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD6	60-61	2	17		106	PV DRILLIN	British
12	NGUYEN XUAN SON	PVD6	62	1	7		74	PV DRILLIN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH THIEM	PVD6	68	1	5		60	PV DRILLIN	Vietnamese
14	NGUYEN THAI HOA	PVD6	56	1	5		72	PV DRILLIN	Vietnamese
15	TRAN VAN BAO	PVD6	63	1	9		70	PV DRILLIN	Vietnamese
16	HA QUANG SANG	PVD6	58	1	5		80	PV DRILLIN	Vietnamese
17	TRAN HOANG DUNG	PVD6	67	1	5		70	PV DRILLIN	Vietnamese
18	DINH DUC TIEN	PVD6	57	1	2		70	PV DRILLIN	Vietnamese
19	LE TAN DAT	PVD6	65	1	3		52	PV DRILLIN	Vietnamese
20	DINH VAN THANH	PVD6	76	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VAN NINH	PVD6	75	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	DO VAN HUNG	PVD6	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	27	183	1.569	0	22		
TOTAL		22	27	183	1.569	0	22		
WEIGHT KG				183	1.569	0			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2018	TO: RCDM - CLO - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Trường	ETA: 13:10
XANH-3			

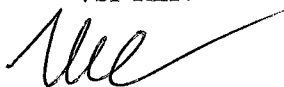
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÒA	RCDM	41	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HUY ANH	RCDM	42-43	2	20		93	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN KHANH	RCDM	84-85	2	20		53	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG THANH	RCDM	81-82	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN QUANG QUYNH	RCDM	83	1	12	20	71	XAYLAP	Vietnamese
6	LUÔNG VĂN THỨC	RCDM	80	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH PHÚC	RCDM	21,700	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG ĐĂNG	RCDM	02,86	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
9	TRỊNH TIẾN DUNG	CLO	21-22	2	20		84	NHA THAU	Vietnamese
10	LƯU ĐÌNH TRỌNG	CLO	23	1	17		77	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU VIỆT	CLO	18-19	2	20		62	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MINH	CLO	20	1	15		84	T-TIN	Vietnamese
13	DUƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	05-07	3	10		68	KHI	Vietnamese
14	ĐO DUY LỊCH	PPD	11	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC SƠN	PPD	04	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	AFANASHEV	PPD	16	1	5		90	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	PPD	08	1	8	22	76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	01-02	2	1		75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN NGỌC TUẤN ANH	PPD	10	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC CÔNG	PPD	09	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HỒNG DÂN	PPD	12-14	3	20		81	YTE	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LỤC	PPD	03	1	15		94	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	13	119	551	20	7		
2	CLO	4	6	72	307	0	1		
3	PPD	10	15	91	779	22	13		
TOTAL		22	34	282	1.637	42	21		
WEIGHT KG				282	1.637	42			

GRAND TOAL: 1.961 KGS

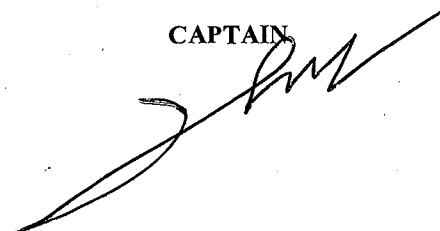
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: BK5 - CTK3 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Văn - Vũ	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SON ANH	BK5	08-09	2	15		90	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ VĂN HIỆP	BK5	02	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO QUYẾT THẮNG	BK5	01	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VIỆT HUY	BK5	13	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NAM KHANH	BK5	11-12	2	17	20	70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG	BK5	14-15	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THUONG	BK5	05	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUAN VIỆT	BK5	16	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HANH	BK5	06-07	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC LONG	BK5	10	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN NHUAN	BK5	03-04	2	17		52	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	56	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM CONG BANG	PVD2	58	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LINH	PVD2	59	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN NAM THANG	PVD2	57	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THAI HOA	PVD2	55	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN VAN CHUNG	PVD2	60	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	LUONG THANH TUNG	PVD2	63-64	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BINH	PVD2	53-54	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THUONG	PVD2	61-62	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN CUONG	PVD2	65-66	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM QUỐC MINH	PVD2	67-69	3	15		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	11	16	154	744	20	0		
2	CTK3	0	0	0	0	0	9		
3	PVD2	11	17	111	767	0	12		
TOTAL		22	33	265	1.511	20	21		
WEIGHT KG				265	1.511	20			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2018	TO: PVD6	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Trường	ETA: 15:10
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT DŨNG	PVD6	45	1	10	12	62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HIEN	PVD6	42	1	15	10	80	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG ANH TUẤN	PVD6	46-47	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC PHÁT	PVD6	36-37	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ TÁ HÙNG	PVD6	43	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VĂN HỘI	PVD6	31	1	13		54	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐẠO	PVD6	34-35	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN THANH TRUNG	PVD6	96,98	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH TIẾN TOÀN	PVD6	72-73	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC NHIỀU	PVD6	71	1	5	20	65	T-TIN	Vietnamese
11	ĐINH TIẾN DŨNG	PVD6	300	1	7	18	75	T-TIN	Vietnamese
12	QUÁCH NGỌC TUẤN	PVD6	38	1	5		62	PV DRILLIN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG DIEP	PVD6	28	1	5		62	PV DRILLIN	Vietnamese
14	TRINH VĂN TRUNG	PVD6	30	1	5		70	PV DRILLIN	Vietnamese
15	DANG KIM SON	PVD6	39	1	5		65	PV DRILLIN	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY HOÀ	PVD6	32	1	5		60	PV DRILLIN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỞNG AN	PVD6	29	1	5		72	PV DRILLIN	Vietnamese
18	HOANG VAN MANH	PVD6	94	1	5		62	PV DRILLIN	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY CẢNH	PVD6	95	1	5		62	PV DRILLIN	Vietnamese
20	DONG VAN TOAN	PVD6	40	1	7		67	PV DRILLIN	Vietnamese
21	HOANG TRONG QUYNH	PVD6	33	1	5		60	PV DRILLIN	Vietnamese
22	TRẦN NAM DAI	PVD6	48-49	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	28	213	1.419	60	22		
TOTAL		22	28	213	1.419	60	22		
WEIGHT KG				213	1.419	60			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

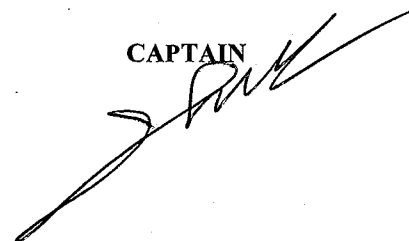
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2018	TO: RP3 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Vận - Vũ	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG VAN QUAN	RP3	73-74	2	14		61	KHI	Vietnamese
2	NGO NGOC TRUONG	RP3	71-72	2	15		71	KHI	Vietnamese
3	HUA VAN NGOC	RP3	77-78	2	7		80	KHI	Vietnamese
4	TRAN NHAT TAN LAM	RP3	75-76	2	20		68	KHI	Vietnamese
5	DO SON DUC	RP3	43	1	5	90	83	KHI	Vietnamese
6	LE THE SON	RP3	81-82	2	14		67	KHI	Vietnamese
7	PHI HUNG	RP3	85	1	7		69	KHI	Vietnamese
8	VO VAN LICH	RP3	86-87	2	16		63	KHI	Vietnamese
9	VU DUY PHUONG	RP3	84	1	6		62	KHI	Vietnamese
10	PHAN QUOC CUONG	RP3	83	1	5		59	KHI	Vietnamese
11	HO DAI PHUONG	RP3	91	1	7		73	KHI	Vietnamese
12	PHAM HONG QUAN	RP3	88-89	2	8		76	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH VINH	RP3	90	1	5		61	KHI	Vietnamese
14	LE DUC CUONG (1967)	RP3	42	1	7		55	PSV	Vietnamese
15	TRAN QUYET TIEN	RP3	80	1	5		67	PVGAS	Vietnamese
16	DO XUAN LOI	RP3	79	1	7		78	PVGAS	Vietnamese
17	VU ANH TUAN	BK14	37-38	2	17		67	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BAO	BK14	40	1	7		56	CODIEN	Vietnamese
19	TRINH QUOC HUNG	BK14	36	1	4		71	PSV	Vietnamese
20	TRAN KHAC HOP	BK14	39	1	13		71	NHATHAU	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HUNG	BK14	35	1	13		83	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	23	148	1.093	90	2		
2	BK14	5	6	54	348	0	20		
TOTAL		21	29	202	1.441	90	22		
WEIGHT KG				202	1.441	90			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN